

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/DS-ST**

Ngày 21/7/2022

*“V/v: Tranh chấp Quyền sử dụng đất
và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Bình Luyến

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn H Trự và ông Đỗ Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 27/4/2021, (QĐ.tiếp tục giải quyết vụ án dân sự ngày 16/11/2021); Về việc: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 21/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/6/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973;
Và chị **Nguyễn Thị Phương N**, sinh năm 1980;
(Anh H và chị N là vợ chồng);

Địa chỉ: Tổ 5, phố Gát, pH TC, TP.VT, tỉnh PT;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu 3, pH NT, TP.VT, tỉnh PT;

(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung K**, sinh năm 1977;

Và chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978;

(Anh K và chị H là vợ chồng).

Địa chỉ: Tổ 34, khu 5, pH VP, TP.VT, tỉnh PT.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984 (Là em trai ruột của anh K);

Hiện đang công tác tại Ban chỉ H Quân sự Hện BM, tỉnh HG.

(Ông S, anh K có mặt; chị H, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Phương N; cũng như các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến S trình bày:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Phương N có thửa đất số 104-1a, tờ bản đồ số 39, diện tích 192,5m² đất ở, tại tổ 34, khu 5, pH VP, TP.VT, tỉnh PT; theo Giấy CNQSD đất do UBND thành phố VT cấp ngày 30/8/2011, mang tên anh H, chị N. Thửa đất này giáp ranh với thửa đất của vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị H. Theo đó, mốc giới của thửa đất của vợ chồng anh H phía trước giáp đường đi là 7m và phía sau là 7m. Nhưng hiện nay phía trước giáp đường đi là 6,7m, phía sau là 6,37m. Lý do bị thiếu là do gia đình anh K, chị H hộ giáp ranh khi làm nhà và xây tường bao quanh lấn chiếm.

Nay anh H, chị N đề nghị Tòa án buộc gia đình anh K, chị H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm, cụ thể phía trước giáp đường đi là 0,30m phía sau là 0,31m và yêu cầu phải tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm gồm có 01 hố ga, đường ống thoát nước, bức tường xây gạch xi có chiều dài là 1,55m phía, rộng là 0,50m và máy điều hòa treo trên tường.

Bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị H trình bày như sau: Anh Nguyễn Trung K thừa nhận gia đình anh và gia đình anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Phương N có thửa đất giáp ranh nhau như vợ chồng anh H, chị N trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng. Anh K cho rằng, thửa đất của gia đình anh đang ở có diện tích là: 310m²; trong đó 70m² đất ở, 240m² đất vườn; thuộc thửa số 532, tờ bản đồ số 39, ở tại khu 5, pH VP, thành phố VT; Đất đã được UBND thành phố VT cấp Giấy CNQSD đất ngày 07/6/2017, mang tên anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị H. Nguồn gốc đất do bố mẹ để anh K cho. Theo đó, thửa đất của gia đình anh K có chỉ giới phía trước giáp đường đi là 7m, phía sau là 8m, cạnh giáp thửa đất của vợ chồng anh H, chị N là 40m, còn cạnh bên giáp đất em trai anh K là anh Nguyễn Văn H là 50m. Quá trình sử dụng đất gia đình anh K đã xây dựng ngôi nhà 02 tầng và sử dụng đúng diện tích mà Nhà nước đã cấp, không lấn chiếm của ai cả.

Nay vợ chồng anh H, chị N khởi kiện với nội dung như nêu trên. Tại phiên tòa quan điểm của anh K là đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất mà UBND thành phố VT đã cấp cho vợ chồng anh K. Nếu thửa đất của gia đình anh K, chị H mà thừa so với diện tích và các mốc giới theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận thì vợ chồng anh K nhất trí trả lại phần đất thừa và dỡ bỏ các tài sản trên đất để trả lại phần đất cho gia đình anh H, chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H trình bày như sau: Anh Nguyễn Văn H là em trai ruột của anh Nguyễn Trung K. Nguồn gốc quyền sử dụng đất và ngôi nhà xây nhà hai tầng mà hiện nay anh H đang ở tại tổ 34, khu 5, pH VP, thành phố VT, tỉnh PT, giáp ranh với ngôi nhà của anh K, chị H là do bố mẹ để anh H cho và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận mang tên anh Nguyễn Văn H. Anh H cho rằng hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này

do ông Nguyễn Bá Phương là chú ruột anh H, hiện ở tại khu 5, pH VP, VT, PT đang cất giữ, do mẹ anh H đưa cho ông Phương cất giữ hộ. Anh H không biết bố mẹ để anh cho anh thừa đất là bao nhiêu mét vuông đất và anh cũng chưa được nhìn thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước cấp cho anh. Vì ngôi nhà của anh H và ngôi nhà của anh K do bố mẹ các anh xây cho cùng thời điểm và xây trên cùng một mảnh đất của gia đình. Nên anh H không xác định được chỉ giới, mốc giới thừa đất của anh và cũng không biết vị trí mốc giới giáp ranh đối với thừa đất của anh và thừa đất của anh K.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.VT phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ vào: Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 166, Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 147; Điều 155, 156, 157, 158, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban TH vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, chị N

Buộc vợ chồng anh K, chị H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích là 9,7m², phía trước giáp đường đi là 0,3m phía sau là 0,31m và yêu cầu phải tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm gồm có 01 hồ ga, đường ống thoát nước, bức tường xây gạch xi có chiều dài là 1,55m phía, rộng là 0,50m và cục nóng máy điều hòa treo trên tường, có chỉ giới 3, 4, 19, 21, 15, 18, 3 theo sơ đồ hiện trạng ngày 25/6/2021.

- Về án phí: Buộc vợ chồng anh K, chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng anh K, chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu tH trú tại thành phố VT, tỉnh PT và diện tích đất tranh chấp thuộc pH VP, thành phố VT; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, là đúng pháp luật;

Xét về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thấy rằng, anh H đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử, là phù hợp theo khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử xác định: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp của vợ chồng anh H, chị N là nhận cHển nhượng từ gia đình ông Đặng Đức Phê, bà Mai Thị Phụng. Còn thửa đất của gia đình anh K, chị H là do bố là ông Nguyễn Văn Sáng và mẹ là bà Nguyễn Thị Thao cHển nhượng cho. Hiện nay các thửa đất nêu trên đều đã được UBND thành phố VT cấp Giấy CNQSD đất.

Xét yêu cầu của vợ chồng anh H, chị N buộc gia đình anh K, chị H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm phía trước giáp đường đi là 0,3m phía sau là 0,31m và yêu cầu phải tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm; thấy rằng, theo hồ sơ cấp giấy CNQSD đất do UBND thành phố VT cấp ngày 30/8/2011, mang tên anh H, chị N, thể hiện thửa đất của vợ chồng anh H có diện tích đất ở là 192,5m², có chiều rộng giáp đường giao thông là 7m, chiều rộng phía sau là 7m, chiều dài giáp nhà anh K, chị H là 26m, chiều dài cạnh bên (giáp nhà anh Việt) là 29m và theo hồ sơ cấp giấy CNQSD đất do UBND thành phố VT cấp ngày 07/6/2017, mang tên anh K, chị H, thể hiện thửa đất của vợ chồng anh K có diện tích đất ở là 310m², chiều rộng giáp đường giao thông là 7m, chiều rộng phía sau là 8m, chiều dài giáp đất của vợ chồng anh H (em trai anh K) là 50m, chiều dài cạnh bên giáp đất nhà anh H, N là 52,8m. Ngày 25/6/2021, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của vợ chồng anh H và vợ chồng anh K, nhưng không thể xác định được hiện trạng thửa đất của vợ chồng anh K. Bởi vì, trên thửa đất của vợ chồng anh K là ngôi nhà hai tầng được xây liền kề với ngôi nhà hai tầng của em trai anh K là anh Nguyễn Văn H. Hai ngôi nhà này được xây dựng trên cùng một thửa đất (Nguồn gốc đất của vợ chồng anh K và của anh H là do bố mẹ hai anh cHển nhượng cho và đã được tách ra làm hai thửa đất riêng), trong đó có thửa đất của vợ chồng anh K diện tích là 310m²; còn đối với thửa đất của anh H thì Tòa án không thể xác định được đã được Nhà nước cấp cho bao nhiêu mét vuông, mặc dù thửa đất của anh H đã được cấp giấy chứng nhận, nhưng anh K và anh H không cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu UBND thành phố VT là cơ quan cấp Giấy chứng nhận cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho hộ anh H, nhưng hiện UBND thành phố VT không còn lưu trữ hồ sơ vì thất lạc. Phía anh H cho rằng hiện nay ông Nguyễn Bá Phương giữ giấy CNQSD đất của anh nhưng Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông Phương trình bày đã trả lại cho gia đình anh H. Như vậy, không có căn cứ để xác định mốc giới giáp ranh giữa thửa đất của vợ chồng anh K và anh H. Mặc khác, quá trình xem xét, thẩm định hiện trạng thửa đất của nguyên đơn là vợ chồng anh H thì thể hiện hiện trạng thửa đất đang sử dụng có diện tích là 165,6m², chiều rộng giáp đường đi là 6,7m, chiều rộng phía sau là 6,37m; như vậy theo giấy chứng nhận thì thửa đất của đất của vợ chồng anh H thiếu

26,9m². Phần đất giáp ranh với đất của vợ chồng anh K thể hiện chiều rộng giáp đường là 0,54m, phía sau rộng 0,50m trên phần đất này hộ K có xây dựng 01 hố ga có ống nhựa dùng làm nước thải và tiếp giáp với phần đất này anh K xây bức tường xây gạch xi có chiều dài là 1,55m phía, rộng là 0,50m. Về phía giáp ranh thửa đất của vợ chồng anh H còn có thửa đất của hộ anh Bùi Văn Việt, nhưng hộ anh Việt đã xây dựng bức tường rào ngăn cách với thửa đất của vợ chồng anh H và đã sử dụng từ lâu, ổn định, không có tranh chấp gì.

Xét về diện tích đất đang tranh chấp, thấy rằng: Chiều rộng phía mặt đường giao thông là 0,54m, phía sau có chiều rộng là 0,50m có diện tích là 11,7m²; chiều dài giáp nhà anh K, chị H là 23,37m, chiều dài giáp đất anh H, chị N là 23,47m, trên phần đất này có 01 hố ga, ống nhựa thoát nước và tiếp giáp phần đất này có diện tích là 0,6m², có chiều rộng là 0,50m dài 1,55m, chiều rộng phía sau là 0,31m, trên phần đất này có xây bức tường gạch xi, chiều rộng là 0,50m, chiều dài là 1,55m. Toàn bộ diện tích đất nay anh H, chị H đang quản lý, sử dụng. Phía anh K cho rằng đây là diện tích đất gia đình anh để chừa ra 0,50m mục đích để làm đường ống thoát nước và anh không lấn chiếm đất. Tại phiên tòa anh K đề nghị Tòa xem xét theo quy định của pháp luật, nếu phần đất này nằm trong quyền sử dụng đất của anh H, chị N thì anh K nhất trí trả lại đất và dỡ bỏ toàn bộ công trình trên đất để trả lại diện tích đất nêu trên cho vợ chồng anh H, chị N.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng đất thấy rằng: Diện tích đất của gia đình anh H là 165,6m², mặt tiếp giáp với đường giao thông là 6,70m, chiều rộng phía sau thửa đất là 6,37m; như vậy, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của gia đình anh H thì diện tích đất của gia đình anh H bị thiếu 26,9m², mặt tiếp giáp với đường giao thông thiếu 0,30m, chiều rộng phía sau thửa đất thiếu 0,63m. Còn hiện trạng diện tích đất nhà anh K và nhà anh H (em trai anh K) qua xem xét thẩm định tại chỗ anh K đã chỉ mốc giới phần đất của nhà anh K tiếp giáp với phần đất, nhà anh H (em trai) đến mép ngoài tường nhà xây của anh K có chiều rộng là 7,45m, nếu tính cả phần chiều rộng đang có tranh chấp là 0,54m = 7,99m thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,99m (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7m). Còn phía sau nhà anh H có chiều rộng là 6,37m thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,63m trên phần đất này anh K xây bức tường gạch xi có chiều rộng là 0,50m, chiều dài là 1,55m sát đất nhà anh H trên phần đất này xác định anh K đã xây lấn chiếm của gia đình nhà anh H là 0,31m. Như vậy, việc anh K cho rằng khi xây nhà đã để lại 0,50m để làm rãnh thoát nước là không có căn cứ vì giữa phần đất nhà anh K và phần đất nhà anh H (em trai anh K) còn có khoảng trống làm sân giữa 02 nhà và có thể làm đường thoát chung cho cả hai nhà. Ngoài việc trình bày chừa ra 0,50m làm đường thoát nước ra anh K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, hơn nữa việc gia đình anh K và em trai là anh H không cung cấp cho Tòa án giấy CNQSD đất để bảo vệ quan điểm của mình là có căn cứ. Nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của anh K.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh H, chị N thấy rằng, việc anh H, chị N yêu cầu nhà anh K, chị H trả lại phần diện tích đất 9,7m² có chỉ giới 3,4,19,21,15,18,3 phía trước giáp đường giao thông có chiều rộng là 0,30m, phía sau rộng là 0,31m, có chiều dài giáp nhà anh K, chị H là 24,92m và tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất gồm: 01 bức tường xây gạch xi có chiều rộng là 0,50m dài 1,55m (Bức tường có chỉ giới 19,18,15) và 01 đường ống nước thải bằng ống nhựa PVC đường kính 90cm, bể phốt (nước thải) có nắp bê tông dài 93cm, rộng 54cm, 01 cục nóng điều hòa treo tường nhà anh K là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét thấy tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2021 các đương sự đã thống nhất được giá trị tài sản tranh chấp và không đề nghị định giá là có căn cứ để chấp nhận, cụ thể: giá trị đất là 6.000.000 đồng/01m² (gồm đất ở và đất vườn) và bức tường xây gạch xi có giá trị là 500.000 đồng.

[3].*Về án phí*: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp, cụ thể: 9,7m² x 6.000.000 đồng = 58.200.000 đồng x 5% = 2.910.000 đồng.

[4].*Về chi phí tố tụng*: Chi phí tố tụng tổng cộng là 5.000.000 đồng (số tiền này anh S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc anh K và chị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng, xong xét số tiền chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp nên buộc anh K, chị H phải trả lại cho anh H, chị N là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

V× c, c lĩ trªn,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 175,176 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 166, Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 147; Điều 155, 156, 157, 158, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban TH vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Phương N.

Buộc anh Nguyễn Trung K và chị Nguyễn Thị H phải trả lại cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Phương N diện tích đất là 9,7m² có chỉ giới 3,4,19,21,15,18,3 phía trước giáp đường giao thông có chiều rộng là 0,30m, phía sau rộng là 0,31m, có chiều dài giáp nhà anh K, chị H là 24,92m và tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất gồm: 01 bức tường xây gạch xi có chiều rộng là 0,50m dài 1,55m (Bức tường có chỉ giới 19,18,15, 21,19) và 01 đường ống nước thải bằng ống nhựa PVC đường kính 90cm, bể phốt (nước thải) có nắp bê tông dài 93cm, rộng 54cm, 01

cục nóng điều hòa treo tường nhà anh K. (Theo theo sơ đồ hiện trạng ngày 25/6/2021 kèm theo).

** Về án phí:* Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trung K và chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.910.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho vợ chồng anh H, chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000227 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT. (Biên lai thu tiền do ông S nộp thay).

** Về chi phí tố tụng:* Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trung K và chị Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000 đồng chi phí tố tụng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp nên anh K và chị H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Phương N số tiền là: 5.000.000 đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP VT;
- VKSND tỉnh PT
- Chi cục THATP.VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện